

Số: 16 /MN 4

Tân Bình, ngày 11 tháng 01 năm 2023

Về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình.

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 11433/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non 4 phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra Phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường Mầm non 4.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.

 **HIỆU TRƯỞNG**
TRƯỜNG
MẦM NON
4
Ngô Thị Hà





PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số: 11433/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070**Khoản: 071**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp		
2.2	Chi quản lý hành chính		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	5.396.265.000	
1	Chi quản lý hành chính		
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.396.265.000	
3.1	<i>Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ do chưa phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>	2.154.246.000	
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.136.006.000	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	18.240.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.303.319.000	
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.303.319.000	
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	1.938.700.000	
	- Cân đối từ nguồn của đơn vị	445.595.000	
	- Phân bổ bổ sung	1.493.105.000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi sự nghiệp kinh tế		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1009716	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		

